



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

LÊ NGUYỄN ANH THU

**CHO VAY CÁ NHÂN SẢN XUẤT, KINH DOANH
NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM -
CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NAM**

**TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP
THẠC SĨ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
Mã số: 8340201**

Đà Nẵng - Năm 2025

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Lâm Chí Dũng

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Thị Thiều Quang

Phản biện 2: TS. Thái Quốc Khánh

Đề án đã sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp
thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại
học Đà Nẵng vào ngày 01 tháng 11 năm 2025.

Có thể tìm hiểu đề án tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, khu vực nông nghiệp và nông thôn tiếp tục đóng vai trò trọng yếu trong việc bảo đảm an sinh xã hội, tạo sinh kế bền vững và nâng cao thu nhập cho người dân. Đặc biệt, tại các địa phương có thế mạnh về nông nghiệp, ngành này vẫn là trụ cột của kinh tế địa phương. Tỉnh Quảng Nam trước đây là một trong các tỉnh có thế mạnh về nông nghiệp, có tiềm năng đất đai lớn, hệ sinh thái đa dạng, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ, với nhiều sản phẩm nông nghiệp an toàn đã được xây dựng thương hiệu như Sâm Ngọc Linh, rau hữu cơ Trà Quế,... Giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh liên tục tăng qua các năm, đồng thời ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lao động (62%) và dân số khu vực nông thôn (76%). Sau khi tỉnh Quảng Nam được sáp nhập vào thành phố Đà Nẵng, một số địa bàn cũ vẫn duy trì thế mạnh về nông nghiệp.

Hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN là mảng tín dụng cốt lõi của Agribank, một ngân hàng thương mại chủ lực trong lĩnh vực Tam nông. Ngân hàng không chỉ cung cấp nguồn vốn cho hàng triệu cá nhân và hộ gia đình, mà còn góp phần quan trọng vào sự nghiệp xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cải thiện đời sống ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN tại Agribank Chi nhánh Quảng Nam hiện vẫn chưa tương xứng với kỳ vọng, cũng như chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho người dân. Cụ thể, Chi nhánh đang đối mặt với một số vấn đề nổi bật cần được giải quyết như: Chất lượng dịch vụ chưa thực sự đồng đều, đặc biệt tại các Chi nhánh, phòng giao dịch ở vùng sâu, vùng xa. Công tác tư vấn vay vốn còn mang tính hình thức, chưa sát với nhu cầu thực

tế và đặc thù ngành nông nghiệp. Điều này làm giảm khả năng tiếp cận tín dụng của người dân, nhất là các hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Cơ cấu dư nợ mất cân đối khi dư nợ khách hàng cá nhân chiếm đến 89,39% tổng dư nợ (tính đến cuối năm 2024), trong khi dư nợ khách hàng pháp nhân có xu hướng giảm mạnh. Cơ cấu ngành nghề trong tín dụng nông nghiệp còn hạn chế về chiều sâu. Hoạt động cho vay vẫn chủ yếu tập trung vào các mô hình truyền thống như nuôi trồng, chăn nuôi nhỏ lẻ, trong khi tỷ lệ cho vay các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuỗi giá trị khép kín, hay nông nghiệp tuần hoàn còn rất khiêm tốn. Điều này phản ánh sự thiếu kết nối giữa định hướng phát triển bền vững và chính sách tín dụng đang thực thi. Chất lượng tín dụng vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt ở giai đoạn sau cho vay. Phần lớn khách hàng cá nhân chưa có thói quen lập kế hoạch sản xuất, thiếu kỹ năng quản lý dòng tiền, dẫn đến việc sử dụng vốn kém hiệu quả và khả năng trả nợ thấp. Việc giám sát sau cho vay chủ yếu mang tính định kỳ, chưa có cơ chế hỗ trợ sát sao theo từng giai đoạn triển khai sản xuất. Thị phần tín dụng tuy được duy trì ở mức cao, nhưng đang đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ các ngân hàng thương mại cổ phần, các tổ chức tín dụng vi mô và kênh tài chính phi chính thức. Nếu không có chiến lược điều chỉnh hợp lý, Agribank có thể bị thu hẹp ảnh hưởng tại địa phương – nơi vốn là thế mạnh truyền thống.

Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn với nền tảng là Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển nông thôn mới. Nghị định này đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc, giúp nâng cao giá trị sản phẩm địa phương. Trong bối cảnh Nghị định 156/2025/NĐ-CP bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 tiếp tục mở ra một giai đoạn mới, với các quy định đột phá như nâng hạn mức

cho vay bảo đảm không bằng tài sản lên đến 300 triệu đồng và khuyến khích các mô hình nông nghiệp xanh, thân thiện môi trường. Sự ra đời của chính sách này khiến việc phát triển hoạt động cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp càng trở nên cấp thiết và cấp bách hơn bao giờ hết.

Do vậy, việc nghiên cứu các giải pháp để hoàn thiện hoạt động cho vay lĩnh vực nông nghiệp tại Agribank Chi nhánh Quảng Nam là cấp thiết và có ý nghĩa thực tiễn. Đó là lý do việc tôi chọn đề tài *“Cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam”* làm đề án tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu xây dựng đề án

Mục tiêu nghiên cứu chung: Đề xuất các giải pháp để hoàn thiện hoạt động cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại Agribank Chi nhánh Quảng Nam.

Từ mục tiêu chung, đề án tập trung vào các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau:

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp;
- Phân tích, đánh giá tình hình thực tế cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại Agribank Chi nhánh Quảng Nam trong giai đoạn 2022-2024;
- Đề xuất các giải pháp đi kèm với phân tích điều kiện thực hiện, tổ chức thực hiện các giải pháp trong hoạt động cho vay lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại Agribank Chi nhánh Quảng Nam.

3. Đối tượng, phạm vi thực hiện đề án.

Đối tượng: Hoạt động cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp của Agribank Chi nhánh Quảng Nam trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu:

- Về nội dung: Đề án chỉ đánh giá thực trạng cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

- Về không gian: Đề án được thực hiện tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam.

- Về thời gian: Đề án đánh giá thực trạng từ năm 2022-2024 và đề xuất các giải pháp hoàn thiện cho những năm tiếp theo.

4. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

- ❖ Dữ liệu nghiên cứu: Dữ liệu thứ cấp (báo cáo thường niên, báo cáo tài chính của Agribank Chi nhánh Quảng Nam 2022-2024) và dữ liệu sơ cấp (quan sát thực tế, tham vấn cán bộ tín dụng và khảo sát khách hàng)

- ❖ Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu.

- Phương pháp so sánh.

- Phương pháp quan sát

- Phương pháp tham vấn

- Phương pháp khảo sát

5. Kết cấu của đề án:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo, kết cấu của đề án bao gồm 03 (ba) chương chính như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hoạt động cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp

Chương 2: Thực trạng hoạt động cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hoạt động cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CÁ NHÂN SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề cơ bản về hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN

1.1.1. Khái niệm cho vay cá nhân SXKDNN

Cho vay cá nhân SXKDNN là việc tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng là cá nhân cư trú tại khu vực nông thôn hoặc có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nhằm đáp ứng tất cả các nhu cầu về vốn của họ trong một thời gian nhất định theo nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

1.1.2. Phân loại cho vay khách hàng cá nhân SXKD

1.1.2.1 Theo thời hạn:

- Cho vay ngắn hạn
- Cho vay trung hạn
- Cho vay dài hạn

1.1.2.2 Theo hình thức bảo đảm:

- Cho vay có bảo đảm bằng tài sản
- Cho vay bảo đảm không bằng tài sản

1.1.2.3 Phương thức cho vay

- Cho vay từng lần
- Cho vay hợp vốn
- Cho vay lưu vụ
- Cho vay theo hạn mức
- Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán
- Cho vay quay vòng

1.1.3. Đặc điểm hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp
- Quy mô khoản vay nhỏ, số lượng lớn
- Lãi suất ưu đãi và điều kiện linh hoạt

- Mức độ rủi ro tín dụng cao
- Chi phí quản lý khoản vay cao

1.1.4. Nội dung của hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN

1.1.4.1 Hoạt động tiếp cận và phát triển khách hàng

- Tuyên truyền, quảng bá sản phẩm
- Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội
- Xây dựng mạng lưới giao dịch rộng khắp

1.1.4.2 Hoạt động thẩm định và phê duyệt cho vay

- Thẩm định hồ sơ pháp lý
- Thẩm định phương án sản xuất, kinh doanh
- Thẩm định năng lực tài chính và khả năng trả nợ
- Thẩm định tài sản bảo đảm (nếu có)
- Phê duyệt khoản vay

1.1.4.3 Hoạt động giải ngân và giám sát sau cho vay

- Giải ngân
- Giám sát sau cho vay
- + Kiểm tra định kỳ
- + Theo dõi tình hình tài chính

1.1.4.4 Hoạt động xử lý nợ và hỗ trợ khách hàng

- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ
- Thu hồi nợ
- Xử lý nợ xấu

1.2 Tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN

1.2.1 Quy mô hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN

Quy mô hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN được đánh giá qua: Tổng dư nợ cho vay cá nhân SXKDNN, số lượng khách hàng cá nhân vay SXKDNN, Dư nợ vay bình quân.

1.2.2 Thị phần cho vay cá nhân SXKDNN

Thị phần đánh giá năng lực cạnh tranh của Ngân hàng trong cho vay cá nhân SXKDNN của ngân hàng đó so với tổng dư nợ cho vay cá nhân SXKDNN của tất cả các ngân hàng khác trên cùng địa bàn (thị trường mục tiêu) kể cả dư nợ của chính ngân hàng đó.

1.2.3 Cơ cấu hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN

Thể hiện sự phân bổ các khoản vay theo các tiêu chí khác nhau, bao gồm kỳ hạn và đối tượng khách hàng. Điều này phản ánh cách ngân hàng định hướng nguồn vốn tín dụng và định hướng chiến lược phát triển hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN. Cơ cấu hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN có tác động trực tiếp đến lợi nhuận thông qua lãi suất áp dụng, phí dịch vụ và chi phí quản lý tín dụng.

1.2.4 Năng lực sinh lời của hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN

- Kết quả từ hoạt động cho vay cá nhân SXKD = Thu nhập từ hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN – Chi phí hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN.

- Hệ số chênh lệch lãi ròng (NIM-Net Interest Margin): Là tỷ số giữa thu nhập lãi ròng với tài sản có.

1.2.5 Kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay cá nhân SXKD

Kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng được thể hiện qua các chỉ tiêu cụ thể:

- Tỷ lệ dư nợ cho vay cá nhân SXKDNN từ nhóm 2 đến nhóm 5
- Biến động cơ cấu nhóm nợ của tổng dư nợ cho vay cá nhân SXKDNN
- Tỷ lệ nợ xấu cho vay cá nhân SXKDNN
- Tỷ lệ xóa nợ ròng trong cho vay cá nhân SXKDNN
- Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro các khoản cho vay cá nhân SXKDNN

1.2.6 Chất lượng dịch vụ trong cho vay cá nhân SXKDNN

Chất lượng dịch vụ là một yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của hoạt động cho vay, phản ánh mức độ hài lòng của khách hàng và ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín, khả năng thu hút khách hàng và lợi nhuận của ngân hàng. Các tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ được tiếp cận qua hai phương pháp chính:

- Phương pháp tiếp cận từ nội bộ ngân hàng: Đánh giá dựa trên các yếu tố đầu vào như quy mô tổng số khách hàng và năng lực nhân sự. Phân tích này giúp ngân hàng tự đánh giá khả năng cung cấp dịch vụ và điều chỉnh sản phẩm cho phù hợp.

- Phương pháp tiếp cận từ khảo sát khách hàng: Đo lường thông qua trải nghiệm thực tế, cảm nhận và mức độ hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ. Các tiêu chí khảo sát tập trung vào thái độ nhân viên, thời gian xử lý giao dịch, và chất lượng chăm sóc khách hàng.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHO VAY CÁ NHÂN SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG NAM

2.1 Cơ sở pháp lý về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp – nông thôn

2.1.1 Nghị định 55/2015/NĐ-CP

Nghị định 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 09/6/2015, là văn bản pháp lý chuyên biệt đầu tiên quy định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn. Nghị định quy định rõ phạm vi áp dụng đối với tổ chức tín dụng, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp hoặc cư trú trên địa bàn nông thôn.

2.1.2 Nghị định 116/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55

Ban hành ngày 07/9/2018, Nghị định 116/2018/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Nghị định 55/2015/NĐ-CP, đặc biệt tập trung vào: Mở rộng đối tượng được vay vốn không có tài sản bảo đảm, trong đó có cá nhân, hộ gia đình tham gia sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mô hình liên kết theo chuỗi giá trị.

2.1.3 Nghị định 156/2025/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55

Ban hành ngày 16/6/2025, Nghị định 156/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 tiếp tục điều chỉnh nhiều nội dung quan trọng như: Tăng hạn mức cho vay bảo đảm không bằng tài sản; đơn giản hoá thủ tục hồ sơ; rút ngắn quy trình thẩm định và giải ngân; khuyến khích mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn;...

2.2 Chính sách cho vay cá nhân SXKDNN của Agribank

2.2.1. Đối tượng cho vay

- Cá nhân cư trú trên địa bàn nông thôn hoặc có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Các Chi nhánh, Phòng giao dịch trực thuộc Agribank trên phạm vi toàn quốc.

2.2.2. Mức cho vay và phương thức cho vay

- Agribank và khách hàng thoả thuận mức cho vay theo quy định hiện hành của Agribank và của pháp luật.
- Căn cứ vào phương án, dự án sản xuất kinh doanh, mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng, Agribank và khách hàng thoả thuận áp dụng phương thức và quy trình, thủ tục cho vay phù hợp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho khách hàng như cho vay lưu vụ, cho vay theo hạn mức tín dụng, cho vay từng lần, ...và các phương thức cho vay khác phù hợp với quy định cấp tín dụng của Agribank.

2.2.3. Cơ chế bảo đảm tiền vay

Cho vay có bảo đảm bằng tài sản/ bảo đảm không bằng tài sản: theo quy định hiện hành của Agribank.

2.2.4. Lãi suất cho vay

Lãi suất cho vay do khách hàng và Agribank thoả thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Agribank trong từng thời kỳ.

2.2.5. Thời hạn cho vay

Agribank và khách hàng căn cứ vào chu kỳ sản xuất kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng và nguồn vốn của Agribank để thoả thuận thời hạn cho vay (Ngắn/trung/dài hạn) đối với khách hàng.

2.2.6. Cơ cấu lại thời hạn nợ và cho vay mới

Khách hàng khó khăn trong việc trả nợ vay do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được Agribank chủ động xem xét:

- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng. Khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Agribank nơi cho vay được giữ nguyên nhóm nợ 01 (một) lần đối với một khoản nợ.
- Cho vay mới để phục hồi sản xuất kinh doanh đối với khách hàng có dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi.
- Các biện pháp hỗ trợ khác: Miễn, giảm lãi tiền vay, lãi quá hạn, ưu tiên thu nợ gốc trước, thu lãi sau theo quy định hiện hành.

2.2.7. Khoanh nợ, xoá nợ

Khách hàng vay vốn thuộc đối tượng chính sách phát triển nông nghiệp theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ trong quá trình sản xuất kinh doanh bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, gặp thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên phạm vi rộng được chính phủ xem xét quyết định khoanh nợ không tính lãi, xoá nợ, xoá lãi.

2.2.8. Bảo hiểm tín dụng trong cho vay lĩnh vực nông nghiệp nông thôn

Khách hàng tham gia mua bảo hiểm đối với đối tượng sản xuất nông nghiệp hình thành từ nguồn vốn vay, Agribank giảm lãi suất cho vay với mức tối thiểu 0,2%/năm, so với lãi suất của các khoản cho vay cùng loại và có thời hạn tương ứng.

2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam

2.3.1. Môi trường bên ngoài

- Môi trường điều kiện tự nhiên
- Môi trường kinh tế, chính trị, xã hội

- Yếu tố khách hàng vay
- Đối thủ cạnh tranh
- Yếu tố công nghệ

2.3.2. Môi trường bên trong

- Mạng lưới giao dịch
- Đội ngũ nhân sự
- Sản phẩm và dịch vụ

2.4 Mục tiêu cho vay cá nhân SXKDNN của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam giai đoạn 2022-2024

2.4.1. Mục tiêu tổng quát

Agribank Chi nhánh Quảng Nam đặt mục tiêu đẩy mạnh hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN nhằm cung cấp nguồn vốn cho các cá nhân để chi trả các chi phí phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp. Điều này không chỉ góp phần vào việc phát triển ngành nghề tại bàn nông thôn, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, mà còn từng bước nâng cao đời sống của người dân trên địa bàn.

2.4.2 Mục tiêu cụ thể

- Về tăng trưởng dư nợ và thị phần: Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay cá nhân SXKDNN bình quân hàng năm từ 15-20%. Mục tiêu này không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh nông nghiệp trên địa bàn mà còn giúp Chi nhánh gia tăng thị phần, tạo lợi thế cạnh tranh rõ rệt so với các tổ chức tín dụng khác.

- Về chất lượng tín dụng: Đây là mục tiêu cốt lõi để đảm bảo hiệu quả hoạt động bền vững. Chi nhánh đặt mục tiêu duy trì tỷ lệ nợ xấu cho vay cá nhân SXKDNN ở mức dưới 1,0%, tuân thủ chặt chẽ định hướng của Ngân hàng Nhà nước và Agribank. Điều này được

cụ thể hóa bằng việc tăng cường giám sát, kiểm tra thường xuyên tình hình sử dụng vốn của khách hàng nhằm hạn chế tình trạng nợ quá hạn.

- Về cơ cấu dư nợ: Đa dạng hóa và tối ưu hóa cơ cấu dư nợ theo hướng tập trung nguồn vốn vào các lĩnh vực ưu tiên, có tiềm năng tăng trưởng cao. Chi nhánh sẽ ưu tiên cấp vốn cho các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và các dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Điều này không chỉ giúp gia tăng hiệu quả sử dụng vốn mà còn phù hợp với xu thế phát triển nông nghiệp hiện đại.

- Về hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ: Nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc cải thiện hiệu quả vận hành và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Chi nhánh sẽ tập trung vào việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục vay, hướng đến quy trình phê duyệt nhanh chóng trong vòng 1-3 ngày làm việc. Đồng thời, đẩy mạnh đào tạo nhân sự để mang đến một trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng khi giao dịch.

2.5 Thực trạng triển khai nội dung hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam giai đoạn 2022-2024

2.5.1. Hoạt động tiếp cận và phát triển khách hàng

2.5.2. Hoạt động thẩm định và quản trị rủi ro

2.5.3 Hoạt động giải ngân và giám sát sau cho vay

2.5.4. Hoạt động xử lý nợ và hỗ trợ khách hàng

2.5.5. Nâng cao chất lượng dịch vụ

2.6 Kết quả đạt được trong hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam giai đoạn 2022-2024

2.6.1. Kết quả đạt được trong hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN

2.6.1.1 Về quy mô cho vay

2.6.1.2 Về thị phần

2.6.1.3 Về cơ cấu dư nợ

- Cơ cấu theo kỳ hạn
- Cơ cấu theo ngành nghề
- Cơ cấu theo hình thức bảo đảm

2.6.1.4 Năng lực sinh lời

2.5.1.5 Về chất lượng tín dụng/kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng

2.6.1.6 Kết quả triển khai theo từng nhóm chính sách

2.6.1.7 Chất lượng dịch vụ

2.6.2 Đánh giá chung

2.6.2.1 Những mặt đạt được

Đến thời điểm 31/12/2024, dư nợ cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp của Agribank Quảng Nam là 6.633 tỷ đồng, tăng 1.895 tỷ đồng so với năm 2022, con số này đã nói lên được định hướng đầu tư vốn của Agribank vì mục tiêu phát triển lĩnh vực nông nghiệp, đổi mới nông thôn và nâng cao đời sống nông dân theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Trong đó, đáng ghi nhận sự đóng góp của đội ngũ cán bộ tín dụng đã không quản mưa nắng để lặn lội khắp các nẻo đường đến tận vùng sâu, vùng xa nhằm tạo điều kiện cho bà con nông dân được vay vốn để chuyển đổi cây trồng, mở rộng chăn nuôi và nuôi trồng thủy hải sản, cải tạo vườn tạp, mua sắm phương tiện sản xuất, trồng cây công nghiệp...

- Việc thực hiện tốt chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp của Agribank Quảng Nam đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương theo hướng tích cực; cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, mùa vụ được thay đổi; nông dân có thể tiếp cận được nguồn

vốn rẻ, tình trạng cho vay nặng lãi giảm; các hoạt động dịch vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn ngày càng tốt hơn về chất lẫn về lượng.

- Giải quyết được nhiều công ăn việc làm ở địa phương, tăng thu nhập cho người dân, góp phần vào sự nghiệp xóa đói giảm nghèo, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, nhờ đó cũng góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, tình hình trật tự, an ninh, chính trị xã hội được đảm bảo và ổn định.

- Bên cạnh đó chính sách này đã tạo thuận lợi cho nhiều hộ gia đình được vay vốn mà không thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay, thủ tục vay vốn đơn giản, nhanh chóng đáp ứng được hầu hết các nhu cầu để phát triển sản xuất kinh doanh phục vụ nông nghiệp, nông thôn; duy trì và phát triển được một số ngành nghề truyền thống. Ngoài ra còn góp phần sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, góp phần đưa khoa học, công nghệ và kỹ thuật vào lĩnh vực nông nghiệp.

- Thông qua hoạt động cho vay nông nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi để Agribank Chi nhánh Quảng Nam gia tăng các khoản thu dịch vụ bán kèm, góp phần nâng cao năng lực tài chính cho Chi nhánh như dịch vụ Bảo hiểm Bảo an tín dụng, nhắc nợ vay, các dịch vụ khác...qua đó giúp giảm một phần công việc cho CBTD trong việc quản lý, đôn đốc nợ đến hạn, hạn chế rủi ro tín dụng.

- Chất lượng tín dụng lĩnh vực nông nghiệp được kiểm soát chặt chẽ thông qua hoạt động kiểm tra, kiểm soát thường xuyên. Được tổ chức thông qua các đoàn kiểm tra do Agribank Chi nhánh Quảng Nam thành lập và các đoàn kiểm tra của ngân hàng cấp trên.

- Đạt được kết quả trên là nhờ từ Hội sở Agribank Quảng Nam đến các Chi nhánh loại II trong toàn tỉnh luôn tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong suốt quá trình triển khai thực hiện. Phối hợp với các cấp hội đoàn thể

(Hội Nông dân, Hội Phụ nữ) chủ động xây dựng kế hoạch và thống nhất chỉ đạo thực hiện kịp thời. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng chính sách tín dụng đối với nông nghiệp - nông thôn của Chính phủ, quy chế cho vay của ngân hàng, nội dung các bước quy trình triển khai thành lập và quản lý tổ vay vốn. Hơn nữa, với mạng lưới giao dịch rộng khắp, địa bàn cho vay của Agribank Chi nhánh Quảng Nam được phủ kín từ thành phố đến vùng sâu, vùng xa trong toàn tỉnh cũng là điều kiện thuận lợi để Chi nhánh triển khai thực hiện tốt cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp.

2.6.2.2 Những hạn chế và nguyên nhân

** Hạn chế:*

- Tăng trưởng khách hàng chưa bền vững
- Cơ cấu dư nợ chưa đa dạng
- Chất lượng tín dụng còn tiềm ẩn rủi ro
- Quy trình và chất lượng dịch vụ
- Áp lực cạnh tranh

** Nguyên nhân của hạn chế*

- Nguyên nhân từ môi trường bên ngoài:
 - + Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và tính mùa vụ
 - + Biến động kinh tế và thị trường
 - + Áp lực cạnh tranh
- Nguyên nhân từ môi trường bên trong:
 - + Hạn chế trong quản trị và quy trình nghiệp vụ
 - + Hạn chế trong quản lý danh mục tín dụng
 - + Hạn chế trong năng lực của khách hàng vay
 - + Áp lực công việc và chất lượng dịch vụ

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG CHO VAY CÁ NHÂN SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM – CHI NHÁNH QUẢNG NAM

3.1 Mục tiêu của các giải pháp

3.1.1. Mục tiêu chung

Đề xuất các giải pháp đồng bộ và khả thi nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng và mở rộng quy mô hoạt động cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (SXKDNN) tại Agribank Chi nhánh Quảng Nam, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững và an sinh xã hội trên địa bàn.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2025-2030

Về quy mô và thị phần: Phân đầu tăng trưởng dư nợ cho vay cá nhân SXKDNN bình quân hàng năm đạt mức cao hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng chung của Chi nhánh, và từng bước mở rộng thị phần trong phân khúc này trên địa bàn.

Về chất lượng tín dụng: Kiểm soát tỷ lệ nợ xấu cho vay cá nhân SXKDNN ở mức thấp và ổn định (dưới 1,0%), đồng thời nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro, đặc biệt đối với các khoản vay bảo đảm không bằng tài sản.

Về cơ cấu dư nợ: Tối ưu hóa cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn, ngành nghề và hình thức bảo đảm, đảm bảo sự cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và quản lý rủi ro. Đẩy mạnh cho vay các mô hình nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và theo chuỗi giá trị.

Về hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ: Nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí vận hành, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, và cải thiện mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ tín dụng.

3.2. Giải pháp tại Chi nhánh Quảng Nam để hoàn thiện hoạt động cho vay cá nhân sản xuất, kinh doanh nông nghiệp

3.2.1. *Đẩy mạnh công tác tiếp thị đa chiều và mở rộng kênh tiếp cận vốn*

Mục tiêu: Khắc phục hạn chế về tăng trưởng số lượng khách hàng chậm lại, tháo gỡ rào cản về khoảng cách địa lý và nhận thức, giúp tăng nhanh số lượng khách hàng mới tiếp cận nguồn vốn Agribank, đặc biệt ở vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa.

Nội dung giải pháp: Phát triển “Điểm giao dịch lưu động”; Tận dụng nền tảng số và mạng xã hội địa phương; Chương trình "Đại sứ Agribank Nông thôn"; Tuyên truyền trọng tâm vào lợi ích cho vay bảo đảm không bằng tài sản nhấn mạnh lợi ích về việc vay vốn không cần tài sản thế chấp theo chính sách tín dụng hiện hành.

Điều kiện thực hiện: Cần sự đầu tư ban đầu cho các phương tiện và thiết bị di động; chính sách khuyến khích cho cán bộ làm việc tại cơ sở; sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể.

Vướng mắc và trở ngại: Chi phí và nhân sự; thách thức về quản lý và vận hành; Sự thiếu tin tưởng ban đầu

Cách thức tháo gỡ: Đầu tư có lộ trình; Phân công trách nhiệm rõ ràng; Kết hợp truyền thông.

3.2.2. *Nâng cao chất lượng thẩm định và quản lý rủi ro tín dụng theo hướng chuyên sâu và chủ động*

Mục tiêu: Khắc phục hạn chế về nợ xấu tiềm ẩn và năng lực thẩm định, đồng thời nâng cao hiệu quả giám sát sau cho vay.

Nội dung giải pháp: Đào tạo chuyên sâu cho cán bộ tín dụng (CBTD); Tổ chức các khóa học thực tế về kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, phân tích chuỗi giá trị nông sản và đánh giá hiệu quả kinh tế của từng phương án sản xuất.

Điều kiện thực hiện: Cần sự đầu tư, xây dựng đội ngũ chuyên gia nội bộ hoặc hợp tác với các đơn vị tư vấn nông nghiệp; có chính sách khuyến khích CBTD nâng cao nghiệp vụ và đi thực tế.

Vướng mắc và trở ngại: Việc tổ chức các khóa học chuyên sâu hoặc hợp tác với các đơn vị tư vấn nông nghiệp đòi hỏi chi phí lớn.

Cách thức tháo gỡ: Liên kết với các trung tâm khuyến nông, trường đại học nông nghiệp tại địa phương để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, tiết kiệm chi phí.

3.2.3. Tối ưu hoá cơ cấu danh mục cho vay theo ngành và kỳ hạn theo đặc thù địa phương

Mục tiêu: Phân bổ vốn hợp lý, đa dạng hóa rủi ro, và thúc đẩy các mô hình nông nghiệp hiện đại, khắc phục hạn chế về cơ cấu ngành nghề còn truyền thống và sự giám sát ở một số ngành.

Nội dung giải pháp: Ưu tiên phát triển cho vay "Sản phẩm OCOP"; Phát triển cho vay theo chuỗi giá trị địa phương; Cơ cấu lại trọng tâm ngành nghề; Quản lý chủ động cơ cấu kỳ hạn theo chu kỳ sản xuất.

Điều kiện thực hiện: Sự chủ động nghiên cứu thị trường của Chi nhánh; phối hợp chặt chẽ với các Sở ban ngành có liên quan, các hiệp hội ngành nghề địa phương; có cơ chế khuyến khích nội bộ để cán bộ đẩy mạnh cho vay các sản phẩm trọng điểm.

Vướng mắc và trở ngại: Thiếu thông tin thị trường; Rủi ro từ các mô hình mới.

Cách thức tháo gỡ: Nghiên cứu thị trường chủ động; Phối hợp liên ngành.

3.2.4. Đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ và tối ưu hóa ứng dụng công nghệ hiện có

Mục tiêu: Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ vay vốn, nâng cao

sự thuận tiện cho khách hàng và giảm thiểu rủi ro vận hành do quy trình phức tạp, khắc phục hạn chế về quy trình rườm rà và việc bỏ qua các bước.

Nội dung giải pháp: Rà soát và tinh gọn quy trình nội bộ; Cho vay bằng phương thức điện tử đối với khách hàng cá nhân có nhu cầu vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, không có tài sản bảo đảm theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ; Tận dụng tối đa ứng dụng công nghệ hiện có; Thúc đẩy giải quyết vấn đề pháp lý tài sản bảo đảm tại địa phương.

Điều kiện thực hiện: Cần sự cam kết của Ban lãnh đạo Chi nhánh trong việc tối ưu hóa quy trình nội bộ; phân bổ nguồn lực để đào tạo khách hàng sử dụng công nghệ; sự chủ động trong việc phối hợp với chính quyền địa phương.

Vướng mắc và trở ngại: Thói quen khách hàng; Phức tạp trong thủ tục.

Cách thức tháo gỡ: Tăng cường đào tạo khách hàng; Phối hợp chặt chẽ với chính quyền.

3.2.5. Nâng cao năng lực nhân sự và chất lượng dịch vụ khách hàng toàn diện

Mục tiêu: Xây dựng đội ngũ cán bộ tín dụng chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn sâu rộng và kỹ năng phục vụ xuất sắc, khắc phục tình trạng chất lượng dịch vụ chưa đồng đều và áp lực công việc.

Nội dung giải pháp: Tổ chức các buổi đào tạo nội bộ chuyên biệt; Khuyến khích học hỏi và nâng cao trình độ; Gắn kết KPI với chất lượng dịch vụ và quản lý rủi ro.

Điều kiện thực hiện: Cần sự cam kết của Ban lãnh đạo trong việc đầu tư vào phát triển con người; xây dựng môi trường làm việc cởi mở, khuyến khích học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm.

Vướng mắc và trở ngại: Áp lực công việc; Thiếu động lực.

Cách thức tháo gỡ: Cơ chế đánh giá toàn diện; Tạo môi trường làm việc tích cực.

3.3 Kiến nghị đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

3.3.1. Hoàn thiện chính sách tín dụng theo định hướng mới

Agribank cần sớm ban hành văn bản quy định cụ thể thay thế Quy chế số 515/QĐ-HĐTV-HSX sau khi Chính phủ đã ban hành Nghị định 156/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/07/2025. Việc này là rất cấp thiết để các Chi nhánh có cơ sở pháp lý vững chắc, kịp thời triển khai các chính sách mới như nâng hạn mức cho vay bảo đảm không bằng tài sản và khuyến khích các mô hình nông nghiệp xanh, thân thiện môi trường.

3.3.2. Đẩy mạnh số hóa quy trình cho vay

Agribank cần sớm ban hành quy định về cho vay bằng phương thức điện tử đối với khách hàng cá nhân vay vốn bảo đảm không bằng tài sản theo Nghị định 55. Đây là giải pháp đột phá, giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng ở vùng sâu, vùng xa tiếp cận nguồn vốn. Việc này không chỉ nâng cao trải nghiệm khách hàng mà còn giúp Agribank tối ưu hóa chi phí vận hành và tăng cường khả năng cạnh tranh với các TCTD khác.

3.3.3. Cập nhật và điều chỉnh quy chế cho vay nội bộ

Việc sáp nhập, sắp xếp lại các phường, xã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác cho vay theo Nghị định 55, đặc biệt là với các khách hàng vay vốn thuộc địa bàn xã nhưng nay thuộc phường. Đề nghị Agribank xem xét, điều chỉnh địa bàn cho vay chi tiết theo thôn/khu phố hoặc bổ sung các tiêu chí xác định đối tượng cho vay khác để tạo

thuận lợi cho khách hàng và Chi nhánh trong việc cấp tín dụng đúng đối tượng thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

3.3.4. Tăng cường hợp tác với các tổ chức đoàn thể

Agribank cần sớm có hướng dẫn cụ thể về việc cho vay qua Tổ vay vốn theo mô hình hoạt động mới và ký thỏa thuận hợp tác chính thức. Bên cạnh đó, cần xem xét tỷ lệ chi hoa hồng được cấp hạn mức tín dụng tại các Chi nhánh để tạo động lực cho các cấp hội đoàn thể (như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ) trong việc tiếp cận và vận động người dân vay vốn.

KẾT LUẬN

Hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN là mảng tín dụng cốt lõi, đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn và Agribank Chi nhánh Quảng Nam là một trong các đơn vị chủ lực trong lĩnh vực này. Để hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN ngày càng hiệu quả và bền vững, việc thấu hiểu thực trạng, nhận diện hạn chế và đề xuất giải pháp là hết sức cần thiết.

Đề án đã đi sâu nghiên cứu lý luận về cho vay cá nhân SXKDNN, đồng thời phân tích thực trạng hoạt động này tại Agribank Chi nhánh Quảng Nam giai đoạn 2020-2024. Kết quả cho thấy, Chi nhánh đã đạt được những thành tựu nổi bật: tổng dư nợ SXKDNN liên tục tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 6.633 tỷ đồng vào năm 2024 và đặc biệt là việc tăng cường cho vay không có tài sản bảo đảm, chiếm tới 73,06% tổng dư nợ SXKDNN, phản ánh sự hiệu quả trong việc triển khai các chính sách hỗ trợ nông dân tiếp cận vốn. Chất lượng tài sản được duy trì tốt, với tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức thấp và khả năng trích lập dự phòng vững vàng. Trong cơ cấu ngành nghề, nông nghiệp (bao gồm trồng trọt và chăn nuôi) vẫn là trụ cột, với sự tăng trưởng đáng kể ở mảng trồng trọt.

Tuy nhiên, đề án cũng chỉ ra một số hạn chế như tốc độ tăng trưởng số lượng khách hàng mới còn chậm, cơ cấu dư nợ theo ngành nghề chưa thực sự đa dạng và khai thác hết tiềm năng ở một số lĩnh vực như thủy, hải sản. Quy trình nghiệp vụ còn rườm rà, chất lượng dịch vụ chưa đồng đều, và công tác giám sát sau cho vay cần được tăng cường. Những hạn chế này chịu tác động từ cả yếu tố khách quan (điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, biến động thị trường) và chủ quan (hạn chế trong năng lực tiếp thị, thẩm định, và quản lý nội bộ).

Dựa trên kết quả đánh giá thực trạng và định hướng phát triển của Agribank, đề án đã đề xuất một hệ thống các giải pháp toàn diện,

tập trung vào việc đẩy mạnh tiếp thị tại cơ sở và tối ưu hóa kênh tiếp cận vốn, nâng cao chất lượng thẩm định và quản lý rủi ro tín dụng, tối ưu hóa cơ cấu danh mục cho vay theo ngành và kỳ hạn, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ, tăng cường năng lực nhân sự và chất lượng dịch vụ khách hàng, cùng với việc nâng cao hiệu quả huy động vốn từ địa phương. Các giải pháp này được xây dựng với tính thực tiễn và khả năng áp dụng cao tại Chi nhánh Quảng Nam.

Bên cạnh đó, đề án cũng đưa ra các kiến nghị gửi đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam nhằm tháo gỡ các rào cản vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho hoạt động tín dụng nông nghiệp. Việc triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp này sẽ giúp Agribank Chi nhánh Quảng Nam không chỉ mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động cho vay cá nhân SXKDNN mà còn củng cố vị thế, khẳng định vai trò là đơn vị chủ lực, người bạn đồng hành tin cậy của nông dân, góp phần thiết thực vào sự phát triển bền vững của nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, đề án không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định về dữ liệu và phạm vi nghiên cứu. Tác giả rất mong nhận được những góp ý quý báu từ Quý Thầy/Cô và độc giả để đề án được hoàn thiện hơn.